

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST

Ngày: 20- 9-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thoại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hào

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Ngân – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 34 ngày 22/8/2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim D – sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Lương Thị Thúy Ph – sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Văn S – sinh năm 1972; ông S ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim D; (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên bà D cho bà Lương Thị Thúy Ph vay tổng số tiền là 1.070.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 19/8/2017 (dương lịch) cho vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm; ngày 12/02/2018 (dương lịch) cho vay 970.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng; có viết giấy vay, lãi suất tự thỏa thuận miệng.

Nay bà D yêu cầu buộc bà Lương Thị Thúy Ph phải có nghĩa vụ trả cho bà D số

tiền nợ gốc là 1.070.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 19/8/2018 (đối với số tiền 100.000.000 đồng) và từ ngày 12/4/2018 (đối với số tiền 970.000.000 đồng) đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0.83%/tháng.

- *Bi đơn bà Lương Thị Thúy Ph:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bà Ph cố tình vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời trình bày kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S trình bày:*

Ông S thống nhất phần trình bày của nguyên đơn bà D về số tiền bà D đã cho bà Ph vay là 1.070.000.000 đồng. Ông S yêu cầu bà Ph trả cho bà D và ông S số nợ gốc 1.070.000.000 đồng và tiền lãi. Ông S ủy quyền cho bà D thay mặt ông S tham gia tố tụng tại tòa án.

- *Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, của Hội đồng xét xử: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Lương Thị Thúy Ph phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim D và ông Lê Văn S số tiền nợ gốc là 1.070.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn bà Lương Thị Thúy Ph trú tại thôn 9, xã Đắc Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2] Áp dụng Bộ luật Dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết: Các giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự được xác lập sau ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực và đang được thực hiện nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản liên quan để giải quyết.

[3] Các hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự được thể hiện qua các giấy vay tiền ngày 19/8/2017 và ngày 12/02/2018 là hợp đồng có kỳ hạn, có lãi nhưng không xác định rõ lãi suất. Như vậy, việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa bà D và bà Ph là có thật và đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại các điều 463 và 470 Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Nguyên đơn bà D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S yêu cầu bà Ph trả tiền nợ gốc của các hợp đồng vay có kỳ hạn là 1.070.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, xét thấy:

Các hợp đồng vay có kỳ hạn đã quá hạn. Bà D đã nhiều lần yêu cầu bà Ph trả nợ, nhưng bà Ph không thực hiện. Điều đó thể hiện bà Ph đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, nên bà D khởi kiện yêu cầu bà Ph trả nợ.

Có căn cứ khẳng định bà Ph vay tiền của bà D được thể hiện trong các giấy vay tiền nêu trên. Vì vậy, yêu cầu của bà D và ông S là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Các hợp đồng có kỳ hạn, có lãi nhưng không xác định rõ lãi suất, nên áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi trên số tiền nợ gốc 1.070.000.000 đồng, cụ thể:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 13 \text{ tháng} 01 \text{ ngày} = 10.817.666 \text{ đồng}.$

$970.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 17 \text{ tháng} 08 \text{ ngày} = 139.013.933 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền lãi là: 149.831.599 đồng.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà Ph có nghĩa vụ trả nợ cho bà D và ông S số tiền nợ gốc là 1.070.000.000 đồng và tiền lãi là 149.831.599 đồng, tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là: 1.219.831.599 đồng.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D.

Buộc bị đơn bà Lương Thị Thúy Ph phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim D và ông Lê Văn S số tiền nợ gốc là 1.070.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng*) và số tiền nợ lãi là 149.831.599 đồng (*Một trăm bốn mươi chín triệu tám trăm ba mươi một nghìn năm trăm chín mươi chín đồng*). Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là: 1.219.831.599 đồng (*Một tỷ hai trăm mười chín triệu tám trăm ba mươi một nghìn năm trăm chín mươi chín đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Kim D và ông Lê Văn S, nếu bà Lương Thị Thúy Ph chậm trả tiền thì bà Ph phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị Thúy Ph phải chịu 48.594.947 đồng (*Bốn mươi tám triệu năm trăm bốn mươi tư nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng*).

Trả lại bà Nguyễn Thị Kim D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019683 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/9/2019); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thoại